

Điều tra Lao động việc làm: Quý 2, 2014

Ngày công bố: 20/7/2014

Chỉ tiêu chính

	Q2 năm 2013	Q1 năm 2014	Q2 năm 2014
Lực lượng lao động (nghìn người)	53 442	53 581	53 715
Lao động có việc làm (nghìn người)	52 402	52 526	52 838
Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động (%)	77,5	77,5	77,5
Tỷ lệ thiếu việc làm trong tuổi lao động(%)	2,51	2,78	2,25
Tỷ lệ thất nghiệp trong tuổi lao động(%)	2,17	2,21	1,84
Tỷ lệ thất nghiệp thanh niên (%)	5,58	6,66	5,09
Tỷ trọng lao động làm công ăn lương trong tổng số lao động có việc làm (%)	34,6	34,9	35,2

Ghi chú: Số liệu so sánh theo quý có thể bị ảnh hưởng bởi tính chất mùa vụ. Các chỉ tiêu trên được tính cho những người từ 15 tuổi trở lên, trừ chỉ tiêu tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm trong độ tuổi lao động được tính cho nữ từ 15-54 tuổi và nam từ 15-59 tuổi và tỷ lệ thất nghiệp thanh niên được tính cho những người từ 15-24 tuổi.

Xu hướng chính (so sánh theo năm)

- So với cùng kỳ của năm trước, lực lượng lao động tăng 273 nghìn người (hay 0,51%) và tỷ lệ tham gia lực lượng lao động không thay đổi, đạt mức 77,5%.
- Số người có việc làm tăng 436 nghìn người (hay 0,83%), tập trung chủ yếu vào ngành công nghiệp và xây dựng.
- Tỷ lệ thiếu việc làm giảm nhẹ từ 2,51% xuống 2,21%.
- Tỷ lệ thất nghiệp giảm nhẹ từ 2,17% xuống 1,84%, và thất nghiệp thanh niên 15-24 tuổi giảm từ 5,58% xuống 5,09%.
- Tỷ trọng lao động làm công ăn lương trong tổng số lao động có việc làm đạt mức 35,2%.

Công bố tiếp theo

Kết quả sơ bộ điều tra Lao động việc làm Quý 3 năm 2014 sẽ được công bố vào ngày 20 tháng 10 năm 2014.

Thông tin liên hệ

Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ:

Vụ Thống kê Dân số và Lao động, Tổng cục Thống kê, 6B, Hoàng Diệu, Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại: + (84 4) 38 230 100, 38 433 353;

Fax: + (84 4) 37 339 287;

Email: dansolaodong@gso.gov.vn

Các chỉ tiêu chủ yếu của thị trường lao động

	Q2 năm 2013	Q1 năm 2014	Q2 năm 2014
Dân số 15 tuổi trở lên (nghìn người)	68 953	69 179	69 313
Nam	33 531	33 543	33 696
Nữ	35 422	35 636	35 617
Lực lượng lao động (nghìn người)	53 442	53 581	53 715
Nam	27 388	27 512	27 585
Nữ	26 054	26 069	26 130
Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động (%)	77,5	77,5	77,5
Nam	81,7	82,0	81,9
Nữ	73,6	73,2	73,4
Số người có việc làm (nghìn người)	52 402	52 526	52 838
Nam	26 845	26 957	27 105
Nữ	25 558	25 569	25 734
Khu vực kinh tế			
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	24 693	24 955	24 857
Công nghiệp và xây dựng	10 968	10 768	11 144
Dịch vụ	16 725	16 780	16 805
Không xác định	16	23	33
Vị thế việc làm			
Chủ cơ sở	1 326	1 165	1 118
Tự làm	23 751	21 516	21 783
Lao động gia đình	9 175	11 485	11 325
Làm công ăn lương	18 133	18 339	18 586
Xã viên hợp tác xã	9	6	7
Không xác định	8	15	19
Tỷ lệ thiếu việc làm (%)	2,43	2,64	2,16
Nam	2,64	2,82	2,31
Nữ	2,20	2,45	1,99
Thành thị	1,33	1,43	1,00
Nông thôn	2,89	3,15	2,64
Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động (%)	2,51	2,78	2,25
Thành thị	1,32	1,46	1,05
Nông thôn	3,04	3,37	2,77
Tỷ lệ thất nghiệp (%)	1,94	1,97	1,63
Nam	1,98	2,01	1,74
Nữ	1,91	1,92	1,52
Thành thị	3,42	3,42	3,00
Nông thôn	1,31	1,35	1,05
Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động (%)	2,17	2,21	1,84
Thành thị	3,66	3,72	3,26
Nông thôn	1,49	1,53	1,20
Tỷ lệ thất nghiệp thanh niên (%)	5,58	6,66	5,09
Thành thị	10,42	12,31	10,65
Nông thôn	4,13	4,85	3,35
Tiền lương bình quân/tháng của lao động làm công ăn lương (nghìn đồng)	3 997	4 729	4 335
Nam	4 172	4 903	4 509
Nữ	3 749	4 492	4 092
Thành thị	4 753	5 726	5 119
Nông thôn	3 376	3 908	3 700

Ghi chú: Số liệu so sánh theo quý có thể bị ảnh hưởng bởi tính chất mùa vụ. Các chỉ tiêu trên được tính cho những người từ 15 tuổi trở lên, trừ chỉ tiêu tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm trong độ tuổi lao động được tính cho nữ từ 15-54 tuổi và nam từ 15-59 tuổi và tỷ lệ thất nghiệp thanh niên được tính cho những người từ 15-24 tuổi.